

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 15-01-2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Đào Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Đường S, khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn. Chị D khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không khắc phục được, chị nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D có 01 con chung tên Trần Huỳnh Bảo T1, sinh năm 2012. Tại đơn khởi kiện, chị D xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nay chị D đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Anh T vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn chị D.

- Về con chung: Anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D có 01 con chung tên Trần Huỳnh Bảo T1, sinh năm 2012. Nếu ly hôn, anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc D, tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc D và anh Huỳnh Thanh T; Giao 01 con chung tên Trần Huỳnh Bảo T1, sinh năm 2012 cho anh Huỳnh Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận anh Huỳnh Thanh T không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Ngọc D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết; Giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Huỳnh Thanh T có địa chỉ cư trú tại: đường S, khu phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác nhận của địa phương nơi chị Trần Thị Ngọc D, anh Huỳnh Thanh T cư trú (Bút lục số 31, 32) và lời khai thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là trái với quy định pháp luật về Hôn nhân và gia đình, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đối với mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T là phù hợp, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D có 01 con chung tên Trần Huỳnh Bảo T1, sinh năm 2012. Ghi nhận anh T và chị D thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Ngọc D chịu 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc D. Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Thanh T và chị Trần Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Huỳnh Bảo T1, sinh năm 2012 cho anh Huỳnh Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh Huỳnh Thanh T không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị Ngọc D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc D chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000676 ngày 19-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc D được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TTN;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Ánh Tuyết

